TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ---------- Bản án số: 31/2023/HS-ST Ngày: 12-4-2023	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Văn Ngạn và bà Trần Thị Khanh.

- ***Thư ký phiên toà***: ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và 01 điểm cầu thành phần tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng (có mặt ông Phạm Hoàng Thanh, thư ký Tòa án và bà Tống Thị Ngọc Ánh, kiểm sát viên), xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 29/2023/HSST ngày 30 -3-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST- HS ngày 30-3-2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng S, sinh năm 2002 tại xã V, huyện C, tỉnh H; nơi cư trú: thôn G, xã V, huyện C, tỉnh Hg; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-02-2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn G, xã V, huyện C, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên chiều ngày 30-01-2023, Nguyễn Hồng S đi lang thang tìm ai có sơ hở để lấy tài sản. Khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị L ở thôn G, xã V,

huyện Cẩm Giàng, thấy nhà chị L không có người ở nhà, cửa lách phía sau mở, S đi qua cửa lách vào phòng ngủ của chị L, lục tìm trong ngăn kéo tủ nhựa phát hiện chiếc ví da màu đen, bên trong có nhiều tờ tiền Việt Nam mệnh giá khác nhau và 05 tờ tiền mệnh giá 100USD. Sơn lấy 05 tờ tiền mệnh giá 100USD cất vào túi quần và tiếp tục lục ngăn kéo dưới bàn trang điểm thấy 01 túi nilon trắng đựng giấy tờ, trong có 1 bao lì xì màu nâu và 1 phong bì (trong lì xì đựng tờ tiền 2USD và 1 số tờ tiền Việt Nam mệnh giá khác nhau; trong phong bì có 3 tập tiền, 2 tập mệnh giá 500.000đ; 1 tập mệnh giá 200.000đ). S lấy tờ tiền mệnh giá 2USD và 1 tập tiền mệnh giá 500.000đ cất vào túi quần rồi đi bộ đến ngã 4 Đại An thuê xe ôm đến huyện Bình Giang chơi. S đã chi tiêu 27.780.000đ và tự giao nộp số tiền còn lại, 502USD, 1 chiếc áo khoác vải màu đen, 1 quần vải màu đen, 1 đôi dép màu ghi.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thông Việt nam chi nhánh Hải Dương thông báo tỷ giá mua, bán ngoại tệ ngày 30-01-2023: 01USD = 23.460VNĐ. Tổng 502USD = 11.776.920VNĐ.

Ngày 15-02-2023, chị L nhận lại 22.220.000đ, 502USD và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 27.780.000đ.

Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 28-3-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Nguyễn Hồng S về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S từ 27 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 15-02-2023.

- Trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo S phải bồi thường cho chị L số tiền 27.780.000đ.

- Vật chứng: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 1 chiếc áo vải màu đen, 1 quần vải màu đen, 1 đôi dép màu ghi.

- Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.389.000đ án phí dân sự.

Bị cáo thừa nhận hành vi lén lút đi từ cửa lách vào phòng ngủ chị L lấy tiền đô và tiền mặt Việt nam; khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo là đúng; bị cáo không đối đáp tranh luận.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai bị hại và người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Thông báo tỷ giá của ngân hàng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 30-01-2023, tại nhà chị Nguyễn Thị L ở thôn Hoàng Gia, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Hồng S lợi dụng lúc gia đình chị L không có người ở nhà, lén lút đi từ cửa lách không khoá phòng ngủ chị L lấy 50.000.000đ và 502USD. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 61.776.920đ

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền tiêu xài, lại lười lao động nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về hành vi và số tiền bị chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt thuộc trường hợp từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, xác định là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo tự nguyện trả lại số tiền chưa chi tiêu là đã khắc phục được phần nào trách nhiệm dân sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng, hiện đang tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Trách nhiệm dân sự: chị L yêu cầu bị cáo bồi thường nốt số tiền còn thiếu. Xét yêu cầu của chị L là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ; căn cứ khoản 1 Điều 48

Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền 27.780.000đ.

Nghĩa vụ trả tiền thực hiện theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[7]Về vật chứng: 1 chiếc áo khoác vải màu đen, 1 quần vải màu đen, 1 đôi dép màu ghi bị cáo mặc đi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện giao nộp; cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí: bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s,b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 27 (*hai mươi bảy)* tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 15-02-2023.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng S có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn G, xã V, huyện C, tỉnh H số tiền 27.780.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời giam chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 1 chiếc áo khoác vải màu đen, 1 quần vải màu đen, 1 đôi dép màu ghi *(Đặc điểm các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-4-2023).*

Án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.389.000đ án phí dân sự.

Quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo Sơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;.
- Cơ quan CSĐT Công an Cẩm Giàng
- Cơ quan THAHS Công an CG
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện CG
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký